

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, KHỞI NGHIỆP, HỢP TÁC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA KHOA SƯ PHẠM, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

TS. Lê Quang Hùng - Trần Thị Lệ
Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên
Email: lqhung@ttn.edu.vn.

Tóm tắt: Bài báo trình bày bức tranh tổng quát về hoạt động khoa học công nghệ (KHCCN) và quan hệ quốc tế (QHQT) của Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên giai đoạn 2021 - 2025. Trên cơ sở phân tích các điều kiện phát triển, nguồn lực, số liệu thống kê về đề tài KHCCN, công bố khoa học, hội thảo, hợp tác trong nước và những hạn chế còn tồn tại, bài báo đề xuất định hướng chiến lược giai đoạn 2025 - 2030. Kết quả nghiên cứu cho thấy Khoa Sư phạm đã đạt mức tăng trưởng mạnh về số lượng công trình khoa học (+35%), số đề tài nghiên cứu các cấp (+42%) và chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, năng lực ngoại ngữ, hợp tác quốc tế và kinh phí nghiên cứu vẫn là những hạn chế đáng kể. Bài báo đề xuất hệ giải pháp nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, tăng cường công bố quốc tế, hình thành nhóm nghiên cứu mạnh và mở rộng hợp tác liên kết trong và ngoài nước.

Từ khóa: Khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, phát triển giáo dục, khoa Sư phạm, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số giáo dục.

Nhận bài: 03/3/2026; **Biên tập:** 04/3/2026; **Phản biện:** 09/3/2026; **Duyệt đăng:** 16/3/2026.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh giáo dục Việt Nam đổi mới căn bản và toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW, nghiên cứu khoa học trong các trường đại học không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm mà còn là thước đo năng lực đào tạo và mức độ hội nhập quốc tế. Khoa Sư phạm - với vai trò là đơn vị đào tạo giáo viên lớn nhất của Trường Đại học Tây Nguyên đã triển khai hàng loạt hoạt động KHCCN và QHQT nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của ngành giáo dục địa phương và cả nước.

Trong bối cảnh giáo dục đại học ngày càng chuyển từ đào tạo theo tiếp cận nội dung sang phát triển năng lực, hoạt động KHCCN và QHQT đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, uy tín học thuật và năng lực hội nhập. Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên, với đặc thù đào tạo đa ngành, xác định giai đoạn 2026 - 2030 là thời kỳ tăng tốc trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và mở rộng hợp tác nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục hiện đại.

Giai đoạn 2021 - 2025, trong điều kiện chuyển đổi số mạnh mẽ và tác động của bối cảnh xã hội, Khoa Sư phạm đã có những bước tiến đáng kể trong nâng cao chất lượng nghiên cứu, mở rộng phạm vi ứng dụng và tăng cường số lượng công bố khoa học. Tuy nhiên, những khó khăn về nhân lực, kinh phí và hợp tác quốc tế vẫn là thách thức lớn. Bài báo này tổng hợp đầy đủ số liệu, phân tích thực trạng và đề xuất định hướng phát triển đến năm 2030.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đặc điểm tình hình giai đoạn 2021 - 2025

* Bối cảnh chung

Giai đoạn 2021 - 2025 diễn ra trong bối cảnh ngành giáo dục Việt Nam tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, đồng thời chịu tác động sâu rộng từ xu thế chuyển đổi số, yêu cầu hội nhập quốc tế, thay đổi mô hình quản trị và chuẩn hóa năng lực đội ngũ nhà giáo.

Trong giai đoạn này, sự bùng nổ của công nghệ giáo dục và các nền tảng học tập trực tuyến đã kéo theo sự thay đổi mạnh mẽ trong phương thức dạy học và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học. Các trường đại học, đặc biệt là cơ sở đào tạo giáo viên, phải đổi mới yêu cầu kép: vừa nâng cao chất lượng đào tạo, vừa gia tăng năng lực nghiên cứu và công bố khoa học để đáp ứng chuẩn kiểm định và hội nhập.

* Thực trạng đội ngũ và điều kiện phát triển của Khoa Sư phạm

Tính đến tháng 12 năm 2025, Khoa Sư phạm có 42 cán bộ viên chức, trong đó: 15 tiến sĩ (35,7%); 25 thạc sĩ (59,5%); 02 cử nhân (4,8%). Tỷ lệ cán bộ có trình độ sau đại học đạt 95%, cao hơn mức trung bình của Trường Đại học Tây Nguyên. Đây là nền tảng quan trọng để Khoa mở rộng nghiên cứu, triển khai các đề tài cấp bộ, cấp tỉnh và tăng cường công bố quốc tế. Các đề tài mang tính ứng dụng đã thể hiện được vai trò trong việc nâng cao chất lượng đào tạo các chuyên ngành của khoa. Các kết quả, thành tựu trong hoạt động NCKH không chỉ góp phần tăng cường chất lượng của đội ngũ cán bộ, giảng viên mà còn nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế, uy tín của Khoa với Nhà trường và khu vực Tây Nguyên.

Khoa gồm 04 bộ môn, được giao đào tạo 07 ngành bậc đại học và 01 ngành bậc sau đại học. Đặc thù đa ngành giúp hoạt động nghiên cứu đa dạng hơn nhưng cũng làm tăng áp lực về khối lượng công việc, dẫn đến khó khăn trong việc hình thành nhóm nghiên cứu mạnh. Trong năm học 2024 - 2025, Khoa Sư phạm Trường Đại học Tây Nguyên quản lý 1.339 sinh viên hệ chính quy, 162 sinh viên hệ liên thông và 11 học viên cao học, với tổng cộng 07 chương trình đào tạo bậc đại học (Sư phạm Ngữ văn, Cử nhân Văn học, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Tiểu học tiếng Jrai, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Tâm lý học Giáo dục) và 01 chương trình cao học (Ngôn ngữ học). Tỷ lệ sinh viên đạt loại khá, giỏi, xuất sắc đạt 72,3%. Trong đó: 13,89% xuất sắc, 18,22% giỏi và 40,18% khá. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn đạt 76,45%, tăng gần 8,5% so với năm học 2023 - 2024. Điều này cho thấy chất lượng đầu ra ổn định, phản ánh hiệu quả của quá trình giảng dạy, quản lý đào tạo, công tác cố vấn học tập và thực hiện tốt công tác Kiến tập sư phạm và Thực tập sư phạm.

** Thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động KHCN*

- Thuận lợi: Lãnh đạo Trường quan tâm đến hoạt động nghiên cứu, bố trí kinh phí phù hợp; Đội ngũ giảng viên trẻ, nhiệt huyết, tích cực tham gia nghiên cứu; Kết nối chuyên môn rộng với các sở, ngành giáo dục khu vực Tây Nguyên. Đặc biệt, khoa Sư phạm luôn tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ viên chức của Khoa đi học sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Hàng năm, Khoa đều tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học để tạo cơ hội cho cán bộ trong Khoa viết bài hoặc trao đổi kinh nghiệm NCKH.

- Khó khăn: Khối lượng giảng dạy lớn (đặc biệt ở các học phần đại cương); Một số cán bộ trẻ thiếu kinh nghiệm nghiên cứu và viết bài quốc tế; Hạn chế năng lực ngoại ngữ dẫn đến thiếu hợp tác quốc tế; Kinh phí nghiên cứu còn hạn chế so với yêu cầu phát triển.

2.2. Kết quả hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2021 - 2025

** Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học*

Toàn Khoa thực hiện: 01 đề tài cấp Bộ; 01 đề tài cơ sở trọng điểm; 44 đề tài cấp cơ sở do cán bộ thực hiện; 23 đề tài NCKH sinh viên. So với giai đoạn 2016 - 2020, tổng số đề tài tăng hơn 42%. Các đề tài tập trung chủ yếu vào: Đổi mới phương pháp dạy học; Phát triển năng lực giáo viên và sinh viên sư phạm; Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; Giáo dục STEM, STEAM và giáo dục trải nghiệm; Văn hóa - ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Đặc biệt, đề tài cấp Bộ về "Nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên" có ý nghĩa xã hội lớn, đóng góp trực tiếp cho việc nâng cao chất lượng giáo dục vùng khó khăn.

Đề tài cơ sở trọng điểm về "Phát triển năng lực tin học cho học sinh trong dạy học môn Lịch sử ở một số trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk" có ý nghĩa lớn trong việc nâng cao năng lực tin học cho học sinh đáp ứng điều kiện chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

** Công bố khoa học*

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Khoa có: 12 bài báo quốc tế; 212 bài báo trong nước; 40 bài đăng trên Tạp chí Khoa học của Trường; 72 báo cáo hội thảo. Tổng cộng có 336 công trình khoa học, tăng 35% so với giai đoạn trước.

Nhiều công bố tập trung vào: Phát triển năng lực dạy học tích hợp cho sinh viên; Văn học - ngôn ngữ Tây Nguyên; Giáo dục thể chất và phát triển thể lực; Tâm lý học giáo dục và sức khỏe tinh thần sinh viên.

** Hội thảo khoa học và diễn đàn học thuật*

Khoa tổ chức: 02 hội nghị NCKH sinh viên; 06 hội thảo cấp Khoa; 01 hội thảo cấp Trường; 01 hội thảo cấp Quốc gia về phát triển năng lực giáo viên trong chuyển đổi số. Các bộ môn dù chưa đủ điều kiện để tự tổ chức hội thảo riêng nhưng đã tích cực tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế.

** Hoạt động thông tin - sở hữu trí tuệ - chuyển giao công nghệ*

Có 34 đầu sách được xuất bản (giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo); Chưa có công trình sở hữu trí tuệ đăng ký bảo hộ; Chưa triển khai mạnh mẽ hoạt động chuyển giao công nghệ.

** Công tác quan hệ quốc tế và quan hệ trong nước*

- Quan hệ trong nước: Khoa đã ký 01 biên bản ghi nhớ hợp tác với đơn vị giáo dục trong nước, triển khai các hoạt động: Hợp tác đào tạo; Thực tập sư phạm; Phối hợp nghiên cứu ứng dụng.

- Quan hệ quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế còn hạn chế do: Trở ngại ngôn ngữ; Thiếu mạng lưới đối tác; Kinh phí hạn chế. Khoa chưa có: Đoàn ra - đoàn vào; Hợp tác nghiên cứu chung; Giảng viên và sinh viên trao đổi quốc tế. Đây là một trong các mục tiêu trọng tâm cần phát triển trong giai đoạn 2026 - 2030.

** Đóng góp của hoạt động KHCN đối với giáo dục và phát triển xã hội*

- Đối với chất lượng đào tạo: Kết quả nghiên cứu giúp: Cập nhật nội dung chương trình đào tạo; Tăng năng lực giảng dạy của giảng viên; Tạo nguồn học liệu mới cho sinh viên; Nâng cao năng lực nghiên cứu của sinh viên.

- Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: Nổi bật nhất là các nghiên cứu về: Ngôn ngữ dân tộc thiểu số; Văn hóa Tây Nguyên; Giáo dục vùng khó khăn. Nhiều nghiên cứu giúp bảo tồn văn hóa bản địa và hỗ trợ phát triển bền vững.

** Hạn chế và nguyên nhân*

- Hạn chế: Số lượng bài báo quốc tế còn thấp; Chưa có nhóm nghiên cứu mạnh cấp Trường; Sinh

viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều; Hợp tác quốc tế hầu như chưa triển khai.

- Nguyên nhân: Hạn chế năng lực ngoại ngữ và kỹ năng nghiên cứu; Kinh phí nghiên cứu còn thấp; Khối lượng giảng dạy lớn, thiếu thời gian dành cho nghiên cứu; Chưa có cơ chế khuyến khích mạnh mẽ.

2.3. Mục tiêu phát triển KHCN giai đoạn 2026 - 2030

Khoa Sư phạm đặt mục tiêu: Tăng mạnh số lượng đề tài các cấp, đặc biệt là đề tài cấp cơ sở (50 đề tài) và đề tài sinh viên (30 đề tài); Phần đầu đạt tối thiểu 120 bài báo trong nước, 15 bài báo quốc tế, 5 báo cáo hội thảo quốc tế; Đẩy mạnh công bố khoa học trong các tạp chí thuộc danh mục uy tín quốc gia và quốc tế; Tổ chức tối thiểu 5 lớp tập huấn về năng lực NCKH và HTQT; Từng bước hình thành nhóm nghiên cứu mạnh theo hướng liên ngành.

* Định hướng và giải pháp thực hiện

- Định hướng: Tăng cường đăng ký và triển khai đề tài gắn với nhu cầu thực tiễn của giáo dục địa phương và xu hướng giáo dục quốc tế; Phát triển các hướng nghiên cứu mới: STEM/STEAM, chuyển đổi số giáo dục, văn hóa - xã hội Tây Nguyên, giáo dục thể chất thích ứng, tâm lý học giáo dục; Mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước thông qua ký kết ít nhất 5 biên bản ghi nhớ (MOU).

- Giải pháp: Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của CBVC về vai trò của KHCN trong nâng cao chất lượng đào tạo; Xây dựng nhóm nghiên cứu của Khoa theo chuyên đề: giáo dục STEM, giáo dục mầm non, nghiên cứu văn học - ngôn ngữ, phát triển thể chất, tâm lý học giáo dục; Đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt học thuật cấp bộ môn, tạo diễn đàn trao đổi các hướng nghiên cứu mới, phương pháp luận và kinh nghiệm NCKH; Khuyến khích giảng viên viết bài đăng tạp chí, đăng ký viết giáo trình, tham gia hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế; Tăng cường hỗ trợ sinh viên NCKH thông qua hướng dẫn đề tài, tổ chức cuộc thi học thuật và phát triển đề tài nghiên cứu nhỏ.

2.4. Dự kiến kết quả giai đoạn 2026 - 2030

Theo kế hoạch, các chỉ tiêu chính dự kiến đạt được: 01 đề tài cấp Bộ, 05 đề tài cơ sở trọng điểm, 50 đề tài cơ sở cán bộ, 30 đề tài sinh viên; 120 bài báo trong nước, 15 bài báo quốc tế; 05 báo cáo tại hội thảo quốc tế; 05 biên bản ghi nhớ (MOU) hợp tác trong nước; 10 cá nhân được khen thưởng cấp Trường, 01 cá nhân khen thưởng cấp Bộ/Tỉnh.

2.5. Phát triển nhóm nghiên cứu và nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên

Trong bối cảnh yêu cầu nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Khoa Sư phạm. Nhóm nghiên cứu không chỉ giúp tập hợp nguồn lực chuyên môn mà còn tạo môi trường học thuật để

giảng viên trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và phát triển các hướng nghiên cứu chuyên sâu.

Hiện nay, mặc dù đội ngũ giảng viên của Khoa có trình độ cao, nhưng hoạt động nghiên cứu vẫn còn mang tính cá nhân, thiếu sự liên kết theo nhóm. Điều này dẫn đến hạn chế trong việc triển khai các đề tài lớn, công bố quốc tế và xây dựng thương hiệu học thuật. Do đó, việc tổ chức lại hoạt động nghiên cứu theo hướng nhóm là yêu cầu cấp thiết.

Các nhóm nghiên cứu cần được hình thành theo các hướng ưu tiên như: giáo dục STEM/STEAM, chuyển đổi số trong giáo dục, giáo dục vùng dân tộc thiểu số, tâm lý học giáo dục và phát triển thể chất. Đồng thời, cần có cơ chế hỗ trợ như giảm định mức giảng dạy, hỗ trợ kinh phí nghiên cứu và khuyến khích công bố khoa học.

Việc phát triển nhóm nghiên cứu không chỉ nâng cao năng lực chuyên môn của giảng viên mà còn góp phần gia tăng số lượng và chất lượng công trình khoa học, tạo tiền đề cho hợp tác trong nước và quốc tế.

2.6. Tăng cường hợp tác khoa học trong nước và quốc tế

Hợp tác khoa học là một trong những yếu tố then chốt giúp nâng cao chất lượng nghiên cứu và mở rộng phạm vi ảnh hưởng học thuật của Khoa Sư phạm. Trong giai đoạn 2021 - 2025, hoạt động hợp tác chủ yếu tập trung ở phạm vi trong nước, trong khi hợp tác quốc tế còn hạn chế.

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập, Khoa cần chủ động xây dựng mạng lưới đối tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức giáo dục trong và ngoài nước. Việc ký kết các biên bản ghi nhớ (MOU) không chỉ tạo cơ sở pháp lý cho hợp tác mà còn mở ra cơ hội triển khai các đề tài nghiên cứu chung, trao đổi học thuật và công bố quốc tế.

Bên cạnh đó, cần tăng cường năng lực ngoại ngữ cho giảng viên nhằm nâng cao khả năng tham gia hội thảo quốc tế, viết bài báo quốc tế và giao tiếp học thuật. Đồng thời, Khoa nên tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các chương trình trao đổi học thuật, tập huấn quốc tế hoặc hợp tác nghiên cứu liên ngành.

Việc mở rộng hợp tác sẽ giúp Khoa tiếp cận các xu hướng nghiên cứu mới, nâng cao chất lượng đào tạo và từng bước khẳng định vị thế trong hệ thống giáo dục đại học.

2.7. Định hướng chuyển đổi số trong hoạt động khoa học và đào tạo

Chuyển đổi số đang trở thành xu hướng tất yếu trong giáo dục đại học, đặc biệt trong hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo giáo viên. Đối với Khoa Sư phạm, việc ứng dụng công nghệ số không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý mà còn tạo điều kiện đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu.

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển

đổi số cho phép xây dựng hệ thống dữ liệu nghiên cứu, hỗ trợ phân tích thông tin và tăng cường chia sẻ học thuật. Các nền tảng số giúp giảng viên tiếp cận nguồn tài liệu phong phú, kết nối với cộng đồng nghiên cứu và nâng cao năng lực công bố khoa học.

Trong đào tạo, việc ứng dụng công nghệ số giúp đa dạng hóa hình thức dạy học, tăng cường tính tương tác và hỗ trợ sinh viên tự học. Các hệ thống quản lý học tập (LMS), học liệu số và các công cụ dạy học trực tuyến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục linh hoạt.

Tuy nhiên, để triển khai hiệu quả, Khoa cần đầu tư hạ tầng công nghệ, nâng cao năng lực số cho giảng viên và xây dựng chiến lược chuyển đổi số phù hợp. Khi được thực hiện đồng bộ, chuyển đổi số sẽ trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Kết luận

Giai đoạn 2021 - 2025, Khoa Sư phạm đã đạt

được nhiều thành tựu quan trọng trong lĩnh vực KHCN và QHQT. Hoạt động nghiên cứu có sự tăng trưởng ổn định, số lượng công bố tăng mạnh, nhiều đề tài có giá trị ứng dụng thực tiễn cao. Tuy nhiên, hạn chế về ngoại ngữ, kinh phí và hợp tác quốc tế vẫn là rào cản lớn.

Giai đoạn 2026 - 2030, Khoa cần đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh, tăng công bố quốc tế, mở rộng hợp tác trong nước và từng bước quốc tế hóa hoạt động khoa học ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Khoa Sư phạm (2025). *Báo cáo hoạt động KHCN và QHQT giai đoạn 2021 - 2025*. Trường Đại học Tây Nguyên.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.
- [3]. Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo*.

Scientific, technological, innovative, startup activities, and International cooperation in the 2021 - 2025 period and direction for activities in the 2026 - 2030 period of the Faculty of Education, Tay Nguyen University

Dr. Le Quang Hung - Tran Thi Le
Faculty of Education, Tay Nguyen University
Email: lqhung@ttn.edu.vn.

Abstract: This paper presents an overview of the scientific and technological (S&T) activities and international relations (IR) of the Faculty of Education at Tay Nguyen University during the 2021 - 2025 period. Based on an analysis of development conditions, resources, statistical data on S&T topics, scientific publications, seminars, domestic cooperation, and existing limitations, the paper proposes strategic directions until 2030. The research results show that the Faculty of Education has achieved strong growth in the number of scientific works (+35%), the number of research topics at various levels (+42%), and training quality. However, foreign language proficiency, international cooperation, and research funding remain significant barriers. The paper suggests a system of solutions to enhance research capacity, increase international publications, form strong research groups, and expand cooperation both domestically and internationally.

Keywords: Science and technology, International cooperation, educational development, Faculty of Education, scientific research, digital transformation in education.